

Số: 03/2026/BC-HĐQT

Hải phòng, ngày 24 tháng 07 năm 2026
Haiphong, July 24, 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng đầu năm 2026/ first six months of 2026)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
To: - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- The State Securities Commission;
- The Ha Noi Stock Exchange.

- Tên công ty/ Name of company: CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MACSTAR/ MACSTAR GROUP CORPORATION
- Địa chỉ trụ sở chính/ Address of head office: Số 8A đường Vạn Mỹ, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng / No 8A Van My Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City
- Điện thoại/ Tel: 0225.3766561
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 483.513.340.000 đồng/ 483.513.340.000 VND
- Mã chứng khoán/ Stock code: MAC
- Mô hình quản trị công ty/ Corporate governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/ General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors and General Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/ The implementation of internal audit: Chưa thực hiện/ Not yet implemented

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Stt/ No	Số Nghị quyết/ Resolution No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content
1	Số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MAC	28/3/2026	Phê duyệt, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ/ Approve and approve issues within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders

II. Hội đồng quản trị (6T năm 2026)/ Board of Directors

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Directors

TT No	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành) Position Independent members of the Board of Directors, Non- executive members of the Board of Directors	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập/ The date becoming to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm/ Date of dismissal
1	Ông Trần Tiến Dũng Mr. Tran Tien Dung	Chủ tịch HĐQT Chairman	5/4/2025	
2	Ông Vũ Hải Trường Mr Vu Hai Truong	Thành viên HĐQT không điều hành Non- executive members of the Board of Directors	30/6/2022	
3	Ông Trần Vũ Quang Mr Tran Vu Quang	Thành viên HĐQT không điều hành Non- executive members of the Board of Directors	27/4/2024	
4	Ông Cáp Trọng Cường Mr Cap Trong Cuong	TV HĐQT- Tổng giám đốc BODs' member- Board of Director	5/4/2025	
5	Ông Dương Tiến Dũng Mr Duong Tien Dung	TV HĐQT độc lập/ Independent members of the Board of Directors	5/4/2025	

2. Các cuộc họp HĐQT/ Meetings of the Board of Directors

TT/ No	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1	Trần Tiến Dũng Mr. Tran Tien Dung	06	100%	
2	Ông Vũ Hải Trường Mr Vu Hai Truong	06	100%	
3	Trần Vũ Quang Mr Tran Vu Quang	06	100%	
4	Cáp Trọng Cường Mr Cap Trong Cuong	06	100%	
5	Dương Tiến Dũng Mr Duong Tien Dung	06	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ Supervising the Board of Management by the Board of Directors

Công ty thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể / the Company will comply with the provisions of the Company's Charter, internal regulations on corporate governance, operating regulations of the Board of Directors and current regulations of the State, specifically:

+ Chỉ đạo giám sát, thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính năm và báo cáo thường niên/ *Direct supervision and strict implementation of quarterly financial reporting, annual financial reporting and annual reporting regimes*

+ Triển khai thực hiện các Nghị quyết HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ đã ban hành/ *Implementing resolutions of the Board of Directors and Resolutions of the General Meeting of Shareholders issued;*

+ Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật/ *Supervise and direct information disclosure with the goal of ensuring transparency and timeliness in accordance with the law*

+ HĐQT và Ban giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý và điều hành hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra/ *The Board of Directors and Board of Directors have closely coordinated in managing and operating the Company's operations in accordance with the law, in order to improve business efficiency and complete planned targets*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị / *Activities of the Board of Directors' subcommittees*: không có/ *Not available*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (6T năm 2026)/ *Resolutions/Decisions of the Board of Directors*

Stt/ No	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Resolution/Decision No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
1	01/2026/NQ-HĐQT	03/01/2026	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ 2026 <i>To approve the plan to organize the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
2	02/2026/NQ-HĐQT	06/03/2026	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2025/ <i>Based on the business performance results for 2025, the Company's audited financial statements for 2025</i> Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2026/ <i>The business plan for 2026 is approved</i> Thông qua chuyển đổi mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu năm 2025/ <i>Approving the change in the use of proceeds from the</i>	100%

			2025 capital increase issuance for existing shareholders Thông qua việc tăng vốn góp tại Công ty CP bất động sản Macland/ <i>Through increasing capital contributions in Macland Real Estate Joint Stock Company</i>	
3	03/2026/NQ-HĐQT	02/04/2026	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025/ <i>Through the implementation of the stock issuance plan for 2025 dividend payment</i>	100%
4	04/2026/NQ-HĐQT	08/04/2026	Thông qua triển khai kế hoạch nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP bất động sản Macland từ Công ty CP đầu tư Sao Á D.C/ <i>Through the implementation of the plan to acquire shares in Macland Real Estate Joint Stock Company from Sao A D.C Investment Corporation</i>	100%
5	05/2026/NQ-HĐQT	21/4/2026	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025/ <i>Approving the finalization of the List of Shareholders for the purpose of issuing shares for the 2025 dividend payment</i>	100%
6	06/2026/NQ-HĐQT	18/5/2026	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026/ <i>Selection of an auditing firm for the fiscal year 2026</i> Thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025/ <i>Approval of the results of stock issuance for 2025 dividend payment</i>	100%

III. Ban kiểm soát / Board of Supervisors

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Board of Supervisors*

Stt/ No	Thành viên BKS/ Members of Board of Supervisors	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>
1	Phạm Thị Hồng Giang <i>Mrs. Pham Thi Hong Giang</i>	Trưởng BKS	30/6/2022	Cử nhân chuyên ngành kế toán <i>Bachelor of finance and accounting</i>
2	Bùi Thị Lan <i>Mrs Bui Thi Lan</i>	TVBKS	30/6/2022	Cử nhân tài chính kế toán <i>Bachelor of finance and accounting</i>
3	Nguyễn Thị Thu Hoài <i>Mrs Nguyen Thi Thu Hoai</i>	TVBKS	5/4/2025	Cử nhân kinh tế. <i>Bachelor of Economics</i>

2. Cuộc họp của BKS / Meetings of Board of Supervisors

Stt/ No	Thành viên BKS/ Members of Board of Supervisors	Số buổi họp tham dự/ Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết/ Voting rate	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1	Phạm Thị Hồng Giang <i>Mrs. Pham Thi Hong Giang</i>	1	100%	100%	
2	Bùi Thị Lan <i>Mrs Bui Thi Lan</i>	1	100%	100%	
4	Nguyễn Thị Thu Hoài <i>Mrs Nguyen Thi Thu Hoai</i>	1	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty giám sát tình hình và kết quả thực thi Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT/Check compliance with the provisions of law and the company's charter, monitor the situation and results of implementing resolutions of the general meeting of shareholders and resolutions of the board of director
- Giám sát HĐQT trong việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, HĐQT/ Supervise the board of directors in organizing the general meeting of shareholders.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam/ Verify financial reports to evaluate the truthfulness and reasonableness of financial data, in accordance with vietnam's current accounting standards and financial policies
- Công ty đã thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động/ The company has well implemented policies for employees.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers

Năm 2026, BKS cũng được HĐQT và Ban giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình cũng như tham gia các cuộc họp HĐQT. Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp về quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.

In 2026, the Supervisory Board will also be facilitated by the Board of Directors and Board of Directors in the process of performing its functions, duties and powers as well as participating in Board of Directors meetings.

The Supervisory Board is provided with full information in accordance with the provisions of the Enterprise Law regarding the Supervisory Board's right to be provided with information.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ Other activities of the Board of Supervisors (if any): Không có/ None

IV. Ban điều hành/ *Board of Management*

STT/ No	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm Ban điều hành/ <i>Date of appointment of members of the Board of Management</i>
1	Cáp Trọng Cường <i>Mr Cap Trong Cuong</i>	24/04/1977	Cử nhân kinh tế / Tổng Giám đốc <i>/Bachelor of Economics / General Director</i>	05/04/2025
2	Nguyễn Thị Thu Hà <i>Mrs Nguyen Thi Thu Ha</i>	4/7/1982	Cử nhân kinh tế/ Phó Giám đốc/ <i>Bachelor of Economics/Deputy Director</i>	21/12/2021
3	Bùi Việt Phương <i>Mr Bui Viet Phuong</i>	18/9/1978	Cử nhân kinh tế / GD tài chính/ <i>Bachelor of Economics / Financial Director</i>	1/10/2023

V. Kế toán trưởng

Họ và tên/Name	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ/ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>
Nguyễn Thị Thúy Nga <i>Mrs Nguyen Thi Thuy Nga</i>	14/1/1976	Cử nhân kinh tế vận tải biển/ Kế toán trưởng/ <i>Bachelor of Shipping Economics/ Chief Accountant</i>	21/12/2021

VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance*

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tham gia các khóa học, các buổi tập huấn theo quy định về quản trị Công ty. HĐQT còn sắp xếp và cử đại diện tham dự các khóa đào tạo tập huấn do UBCKNN và Sở giao dịch CK Hà Nội tổ chức nhằm nâng cao tính tuân thủ của Công ty đối với các quy định do nhà nước ban hành.

Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:

VII. Danh sách về người có liên quan của Công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 điều 6 Luật chứng khoán và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ *The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company*

- Danh sách người có liên quan của công ty (Phụ lục 01 đính kèm)/ *The list of affiliated persons of the Company*
- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

a) Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty con *Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh*

Lũy kế 6 tháng

Macstar Ho Chi Minh JSC

Sử dụng dịch vụ và mua hàng hóa của Công ty con

5.225.002.637

Utilizing services and procurement of goods from Subsidiaries

Doanh thu cho thuê văn phòng, tiền điện, nước <i>Revenue from office lease, electricity, and water</i>	73.993.228
Công ty Cổ phần vận tải Container ven biển Macstar Macstar Coastal Container lines JSC	
Dịch vụ công ty con cung cấp trong kỳ/ <i>Services provided by the subsidiary during the period</i>	2.064.990.770
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho công ty con/ <i>Revenue from providing services to subsidiaries</i>	622.028.334
Công ty Cổ phần Bất động sản Macland/ Macland Real Estate JSC	
Góp vốn vào Công ty con/ <i>Capital contribution to subsidiaries</i>	135.000.000.000
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng / Short-term trade receivables	30/6/2026
Phải thu các bên liên quan/ Receivables from related parties	
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh/ <i>Macstar Ho Chi Minh JSC</i>	14.170.230
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar / <i>Macstar Coastal Container lines JSC</i>	208.179.000
c) Chi phí phải trả ngắn hạn/ Short-term accrued expenses	30/6/2026
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C / <i>Sao A D.C Investment Corporation (bên liên quan)</i>	213.729.481
d) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan/	Lũy kế 6 tháng
<i>Revenue from sales of goods and provision of services to related parties</i>	
Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau/ <i>In addition to sales of goods and provision of services to subsidiaries, the Company also engaged in sales of goods and provision of services to other related parties (non-subsidiaries) as follows:</i>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C/ <i>Sao A D.C Investment Corporation</i>	6.726.148.696
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Đà/ <i>Song Dao Shipbuilding Industry Joint Stock Company</i>	139.908.340
e) Giao dịch với các bên liên quan khác/ Transactions with other related parties	
Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau/ <i>The Company also entered into other transactions with other related parties as follows:</i>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C (bên liên quan)/ <i>Sao A D.C Investment Corporation</i>	39.686.432.143
Sử dụng dịch vụ của bên liên quan	
3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ <i>Transaction between internal persons of the company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: không có/ None</i>	

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects*

4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành trong thời gian 03 năm trở lại đây (tính từ thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): không có/ None*

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): không có/ None*

4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: không có/ None*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/ Share transactions of internal persons and their affiliated persons

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Phụ lục 02 đính kèm)/ *The list of internal persons and their affiliated persons (Appendix 02)*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company: không có/ None*

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues: không có/ None

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOD**



TRẦN TIẾN DŨNG

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF RELATED PERSONS

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty số 03 /2026/BC-HĐQT)

(Attached to the Corporate Governance Report No. 03/2026/BC-HĐQT)

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/indi vidual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CCCD/No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliate d person	Lý do/ Reas ons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relat ionsh ip with the Com pany
1	Trần Tiến Dũng Tran Tien Dung		CT Chairman			30/6/2022			
1.1	Trần Văn Trung Tran Van Trung		Bố Father			30/6/2022			
1.2	Đoàn Phùng Dung Doan Phung Dung		Mẹ Mother			30/6/2022			
1.3	Trần Thị Thanh Hằng Tran Thi Thanh Hang	008C336886	Em Yonger Sister			30/6/2022			
1.4	Trần Thanh Hải Tran Thanh Hai	005CTHH079	Em Yonger Brother			30/6/2022			
1.5	Trần Ngọc Hà Tran Ngoc Ha	008C331399	Em Yonger Sister			30/6/2022			
1.6	Trần Thanh Hoa Tran Thanh Hoa	008C330899	Em Yonger Sister			30/6/2022			
1.7	Vũ Thị Thu Thủy Vu Thi Thu Thuy		Vợ Wife			30/6/2022			
1.8	Trần Vũ Sơn Tùng Tran Vu Son Tung		Con Child			30/6/2022			
1.9	Trần Vũ Ngọc Mai Tran Vu Ngoc Mai		Con Child			30/6/2022			

1.10	Trần Vũ Minh Đức Tran Vu Minh Duc		Con Child			30/6/2022			
2	Vũ Hải Trường Vu Hai truong	003C602237	TV HĐQT / Board of Directors' members			30/6/2022			
2.1	Vũ Văn Thử Vu Van Thu		Bố Father			30/6/2022			
2.2	Vũ Thị Nhuận Vu Thi Nhuan		Mẹ Mother			30/6/2022			
2.3	Vũ Thị Thu Thủy Vu Thi Thu Thuy		Em Yonger Sister			30/6/2022			
2.4	Vũ Đại Dương Vu Dai Duong		Em Yonger Brother			30/6/2022			
2.5	Trần Thái Hồng Phượng Tran Thai Hong Phuong	009C153311	Em dâu Sister in law			30/6/2022			
2.6	Nguyễn Thị Thu Nga	003C411817	Vợ Wife			30/6/2022			
2.7	Vũ Thị Diệu Linh		Con Child			30/6/2022			
2.8	Vũ Hải Minh		Con Child			30/6/2022			
3	Trần Vũ Quang Tran Vu Quang	005C162691	TV HĐQT Board of Directors' members			27/4/2024			
3.1	Vũ Thị Diệp Linh Vu Thi Diep Linh		Vợ Wife			27/4/2024			
3.2	Trần Thị Ngọc Diệp Tran Thi Ngoc Diep		Con Child			27/4/2024			
3.3	Trần Vũ Quang Hưng Tran Vu Quang Hung		Con Child			27/4/2024			
3.4	Trần Văn Chất Tran Van Chat		Bố Father			27/4/2024			
3.5	Nguyễn Thị Trần Nguyen Thi Tran		Mẹ Mother			27/4/2024			
3.6	Đỗ Thị Lân Do Thi Lan		Mẹ vợ Mother in law			27/4/2024			
3.7	Trần Hải Bình Tran Hai Binh		Anh trai Brother			27/4/2024			
3.8	Hoàng Thị Minh Thu Hoang Thi Minh Thu		Chị dâu Sister in law			27/4/2024			
3.9	Trần Thị Hoài An Tran Thi Hoai An		Chị gái Older Sister			27/4/2024			

3.10	Nguyễn Duy Văn Nguyễn Duy Văn		Anh rể Brother in law			27/4/2024		
3.11	Trần Xuân Vinh Tran Xuan Vinh		Anh trai Brother			27/4/2024		
3.12	Trần Thanh Tâm Tran Thanh Tam		Chị dâu Sister in law			27/4/2024		
3.13	Trần Duy Đồng Tran Duy Dong		Em trai/Younger Brother			27/4/2024		
4	Cáp Trọng Cường Cap Trong Cuong	018C316099	TV HĐQT- Tổng giám đốc/ Board of Directors' members			5/4/2025		
4.1	Nguyễn Thu Hoài Nguyen Thu Hoai		Vợ Wife			5/4/2025		
4.2	Cáp Nguyễn Ngọc Linh Cap Nguyen Ngoc Linh		Con gái Child			5/4/2025		
4.3	Cáp Trọng Minh Khang Cap trong Minh Khang		Con trai Child			5/4/2025		
4.4	Cáp Trọng Thắng Cap Trong Thang		Bố đẻ Father			5/4/2025		
4.5	Vũ Thị Nga Vu Thi Nga		Mẹ đẻ Mother			5/4/2025		
4.6	Tạ Bích Lan Ta Bich Lan		Mẹ vợ Mother in law			5/4/2025		
4.7	Cáp Thị Thanh Vân Cap Thi Thanh Van		Em ruột Younger Sister			5/4/2025		
4.8	Nguyễn Đại Thắng Nguyen Dai Thang		Em rể Brother in law			5/4/2025		
4.9	Cáp Trọng Sơn Cap Trong Son		Em trai Younger Brother			5/4/2025		
4.10	Phạm Thị Kim Phượng Pham Thi Kim Phuong		Em dâu Sister in law			5/4/2025		
5	Dương Tiến Dũng Duong Tien Dung		TV HĐQT độc lập/ Independent members of the Board of Directors			5/4/2025		
5.1	Đặng Thị Thủy Dang Thi Thuy		Vợ Wife			5/4/2025		
5.2	Dương Bảo Châu Duong Bao Chau		Con gái Child			5/4/2025		
5.3	Dương Tùng Lâm Duong Tung Lam		Con trai Child			5/4/2025		

5.4	Dương Quỳnh Dung Duong Quynh Dung		Em gái Younger Sister			5/4/2025		
5.5	Hà Minh Toàn Ha Minh Toan		Em rể Brother in law			5/4/2025		
5.6	Đặng Văn Thanh Dang Van Thanh		Bố vợ Father in law			5/4/2025		
5.7	Phạm Thị Bình Pham Thi Binh		Mẹ vợ Mother in law			5/4/2025		
6	Phạm Thị Hồng Giang Pham Thi Hong Giang		TBKS/ Head of board of Supervisors			30/6/2022		
6.1	Phạm Văn Nho Pham Van Nho		Bố father			30/6/2022		
6.2	Bùi Thị Lĩnh Bui Thi Linh		Mẹ Mother			30/6/2022		
6.3	Phạm Hoàng Long Pham Hoang Long		Anh Brother			30/6/2022		
6.4	Trần Thanh Hải Tran Thanh Hai	005CTHH079	Chồng Husband			30/6/2022		
6.5	Trần Hải Phong Tran Hai Phong		Con Child			30/6/2022		
6.6	Trần Tiến Đạt Tran Tien Dat		Con Child			30/6/2022		
7	Bùi Thị Lan Bui Thi Lan	009C230468	TV BKS/ Member of board of Supervisors			30/6/2022		
7.1	Nguyễn Thị Vát Nguyen Thi Vat		Mẹ Mother			30/6/2022		
7.2	Bùi Đình Đông Bui Dinh Dong		Anh Brother			30/6/2022		
7.3	Bùi Xuân Dương Bui Xuan Duong		Anh Brother			30/6/2022		
7.4	Bùi Thị Kim Cúc Bui Thi Kim Cuc		Em Younger Sister			30/6/2022		
7.5	Vũ Phong Cẩm Vu Phong Cam	009C230471	Chồng Husband			30/6/2022		
7.6	Vũ Thị Phương Thảo Vu Thi Phuong Thao		Con Child			30/6/2022		
7.7	Vũ Thanh Đạo Vu Thanh Dao		Con Child			30/6/2022		

8	Nguyễn Thị Thu Hoài Nguyễn Thị Thu Hoài	009C230462 tại VCBS	TV BKS/ Member of board of Supervisors			5/4/2025			
8.1	Nguyễn Văn Công Nguyễn Văn Công		Bố đẻ father			5/4/2025			
8.2	Nguyễn Thị Châu Nguyễn Thị Châu		Mẹ đẻ Mother			5/4/2025			
8.3	Nguyễn Phi Hùng Nguyễn Phi Hùng		Anh trai Brother			5/4/2025			
8.4	Nguyễn Văn Hoàn Nguyễn Văn Hoàn		Anh trai Brother			5/4/2025			
8.5	Phạm Văn Hiến Phạm Văn Hiến		Chồng Husband			5/4/2025			
8.6	Phạm Văn Hưng Phạm Văn Hưng		Con Child			5/4/2025			
8.7	Phạm Tiến Đạt Phạm Tiến Đạt		Con Child			5/4/2025			
9	Nguyễn Thị Thu Hà Nguyễn Thị Thu Hà	044C568689	Phó GD/ Deputy Director of the Company Company			21/12/2021			
9.1	Nguyễn Văn Phương Nguyễn Văn Phương		Bố đẻ Father			21/12/2021			
9.2	Nguyễn Thị Lựa Nguyễn Thị Lựa		Mẹ đẻ Mother			21/12/2021			
9.3	Đinh Thị Miên Đinh Thị Miên		Mẹ chồng Mother in law			21/12/2021			
9.4	Nguyễn Tiến Hoàng Nguyễn Tiến Hoàng		Chồng Husband			21/12/2021			
9.5	Nguyễn Minh Khang Nguyễn Minh Khang		Con Child			21/12/2021			
9.6	Nguyễn Vĩnh Nguyên Nguyễn Vĩnh Nguyên		Con Child			21/12/2021			

9.7	Nguyễn Thị Thanh Nguyễn Thị Thanh		Chị gái Sister			21/12/2021			
9.8	Nguyễn Thanh Huyền Nguyễn Thanh Huyền		Em gái Younger sister			21/12/2021			
9.9	Nguyễn Văn Sơn Nguyễn Văn Sơn		Em trai Younger Brother			21/12/2021			
10	Bùi Việt Phương Bui Viet Phuong	009C-141209	Giám đốc tài chính/ Financial Director			1/10/2023			
10.1	Bùi Thắng Bui Thang		Bố Father			1/10/2023			
10.2	Phan Thị Chội Phan Thi Choi		Mẹ Mother			1/10/2023			
10.3	Bùi Thị Việt Hà Bui Thi Viet Ha		Chị gái Sister			1/10/2023			
10.4	Phạm Thị Thoa Pham Thi Thoa		Vợ/ Wife			1/10/2023			
10.5	Bùi Bảo An Bui Bao An		Con Child			1/10/2023			
10.6	Bùi Phạm Minh Thành Bui Pham Minh Thanh		Con Child			1/10/2023			
11	Nguyễn Thị Thủy Nga Nguyễn Thị Thủy Nga	003C400375	Kế toán trưởng/ Chief accountant			21/12/2021			
11.1	Lại Thị Nhẹ Lai Thi Nhe		Mẹ đẻ			21/12/2021			

[illegible]

[illegible]

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MACSTAR
MACSTAR GROUP CORPORATION

Phụ lục 02/ Appendix 02

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/ LIST OF INTERNAL PEOPLE AND RELATED PEOPLE

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty số 03/2026/BC-HĐQT) (Enclosed with the Corporate Governance Situation Report No. 03/2026/BC-HĐQT)

Stt/N o	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số CMND/H ộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	Trần Tiến Dũng		CT HĐQT/ Chairman			0		
1.1	Trần Tiến Dũng		Bố			0		
1.2	Trần Văn Trung		Mẹ			0		
1.3	Đoàn Phùng Dung		Em			55.000	0.11	
1.4	Trần Thị Thanh Hằng		Yonger Sister			3.190.000	6,6	
1.5	Trần Thanh Hải		Em			242.880	0.5	
1.6	Trần Ngọc Hà		Yonger Sister			55.000	0.11	
1.7	Trần Thanh Hoa		Em			0		
1.8	Vũ Thị Thu Thủy		Vợ Wife			0		
1.9	Trần Vũ Sơn Tùng		Con Child			0		
1.9	Trần Vũ Ngọc Mai		Con Child			0		

1.10	Trần Vũ Minh Đức Tran Vu Minh Duc		Con Child			0		
2	Vũ Hải Trường Vu Hai truong		TV HĐQT / Board of Directors' members			2.585.000	5,35	
2.1	Vũ Văn Thử Vu Van Thu		Bố Father			0		
2.2	Vũ Thị Nhuận Vu Thi Nhuan		Mẹ Mother			0		
2.3	Vũ Thị Thu Thủy Vu Thi Thu Thuy		Em Yonger Sister			0		
2.4	Vũ Đại Dương Vu Dai Duong		Em Yonger Brother			0		
2.5	Trần Thái Hồng Phượng Tran Thai Hong Phuong		Em dâu Sister in law			385.000	0,79	
2.6	Nguyễn Thị Thu Nga Nguyen Thi Thu Nga		Vợ Wife			0		
2.7	Vũ Thị Diệu Linh Vu Thi Dieu Linh		Con Child			0		
2.8	Vũ Hải Minh Vu Hai Minh		Con Child			0		
3	Trần Vũ Quang Tran Vu Quang		TV HĐQT Board of Directors' members			1.705.000	3,53	
3.1	Vũ Thị Diệp Linh Vu Thi Diep Linh		Vợ Wife			0		
3.2	Trần Thị Ngọc Diệp Tran Thi Ngoc Diep		Con Child			0		
3.3	Trần Vũ Quang Hung Tran Vu Quang Hung		Con Child			0		
3.4	Trần Văn Chất Tran Van Chat		Bố Father			0		
3.5	Nguyễn Thị Trần Nguyen Thi Tran		Mẹ Mother			0		
3.6	Đỗ Thị Lân Do Thi Lan		Mẹ vợ Mother in law			0		

3.7	Trần Hải Bình Tran Hai Binh		Anh trai Brother			0		
3.8	Hoàng Thị Minh Thu Hoang Thi Minh Thu		Chị dâu Sister in law			0		
3.9	Trần Thị Hoài An Tran Thi Hoai An		Chị gái Older Sister			0		
3.10	Nguyễn Duy Vân Nguyen Duy Van		Anh rể Brother in law			0		
3.11	Trần Xuân Vinh Tran Xuan Vinh		Anh trai Brother			0		
3.12	Trần Thanh Tâm Tran Thanh Tam		Chị dâu Sister in law			0		
3.13	Trần Duy Đông Tran Duy Dong		Em trai/Younger Brother			145.365	0.3	
4	Cáp Trọng Cường Cap Trong Cuong		TV HĐQT- Tổng giám đốc/ Board of Directors' members			1.100.000	2.27	
4.1	Nguyễn Thu Hoài Nguyen Thu Hoai		Vợ Wife			0		
4.2	Cáp Nguyễn Ngọc Linh Cap Nguyen Ngoc Linh		Con gái Child			0		
4.3	Cáp Trọng Minh Khang Cap trong Minh Khang		Con trai Child			0		
4.4	Cáp Trọng Thắng Cap Trong Thang		Bố đẻ Father			0		
4.5	Vũ Thị Nga Vu Thi Nga		Mẹ đẻ Mother			0		
4.6	Tạ Bích Lan Ta Bích Lan		Mẹ vợ Mother in law			0		
4.7	Cáp Thị Thanh Vân Cap Thi Thanh Van		Em ruột Younger Sister			0		
4.8	Nguyễn Đại Thắng Nguyen Dai Thang		Em rể Brother in law			0		
4.9	Cáp Trọng Sơn Cap Trong Son		Em trai Younger Brother			0		
4.10	Phạm Thị Kim		Em dâu			0		

	Phượng Phạm Thị Kim Phuong		Sister in law				
5	Dương Tiến Dũng Duong Tien Dung		TV HĐQT độc lập/ <i>Independent</i> <i>members of the</i> <i>Board of Directors</i>			0	
5.1	Đặng Thị Thủy Dang Thi Thuy		Vợ Wife			0	
5.2	Dương Bảo Châu Duong Bao Chau		Con gái Child			0	
5.3	Dương Tùng Lâm Duong Tung Lam		Con trai Child			0	
5.4	Dương Quỳnh Dung Duong Quynh Dung		Em gái Younger Sister			0	
5.5	Hà Minh Toàn Ha Minh Toan		Em rể Brother in law			0	
5.6	Đặng Văn Thanh Dang Van Thanh		Bố vợ Father in law			0	
5.7	Phạm Thị Bình Pham Thi Binh		Mẹ vợ Mother in law			0	
6	Phạm Thị Hồng Giang Phạm Thị Hồng Giang		TBKS/ Head of board of Supervisors			0	
6.1	Phạm Văn Nho Pham Van Nho		Bố father			0	
6.2	Bùi Thị Linh Bui Thi Linh		Mẹ Mother			0	
6.3	Phạm Hoàng Long Pham Hoang Long		Anh Brother			0	
6.4	Trần Thanh Hải Tran Thanh Hai		Chồng Husband			3.190.000	6,6
6.5	Trần Hải Phong Tran Hai Phong		Con Child			0	
6.6	Trần Tiến Đạt Tran Tien Dat		Con Child			0	
7	Bùi Thị Lan Bui Thi Lan		TV BKS/ Member of board of Supervisors			165.000	0,34
7.1	Nguyễn Thị Vát Nguyen Thi Vat		Mẹ Mother			0	
7.2	Bùi Đình Đông Bui Dinh Dong		Anh Brother			0	
7.3	Bùi Xuân Dương Bui Xuan Duong		Anh Brother			0	

7.4	Bùi Thị Kim Cúc Bui Thi Kim Cuc		Em Younger Sister			0		
7.5	Vũ Phong Cầm Vu Phong Cam		Chồng Husband			726.000	1,5	
7.6	Vũ Thị Phương Thảo Vu Thi Phuong Thao		Con Child			0		
7.7	Vũ Thanh Đạo Vu Thanh Dao		Con Child			0		
8	Nguyễn Thị Thu Hoài Nguyen Thi Thu Hoai		TV BKS/ Member of board of Supervisors			132.000	0,27	
8.1	Nguyễn Văn Công Nguyen Van Cong		Bố đẻ father			0		
8.2	Nguyễn Thị Châu Nguyen Thi Chau		Mẹ đẻ Mother			0		
8.3	Nguyễn Phi Hùng Nguyen Phi Hung		Anh trai Brother			0		
8.4	Nguyễn Văn Hoàn Nguyen Van Hoan		Anh trai Brother			0		
8.5	Phạm Văn Hiến Pham Van Hien		Chồng Husband			0		
8.6	Phạm Văn Hưng Pham Van Hung		Con Child			0		
8.7	Phạm Tiến Đạt Pham Tien Dat		Con Child			0		
9	Nguyễn Thị Thu Hà Nguyen Thi Thu Ha		Phó GB/ Deputy Director of the Company Company			16.500	0,03	
9.1	Nguyễn Văn Phương Nguyen Van Phuong		Bố đẻ Father			0		
9.2	Nguyễn Thị Lụa Nguyen Thi Lua		Mẹ đẻ Mother			0		
9.3	Đinh Thị Miên Dinh Thi Mien		Mẹ chồng Mother in law			0		

9.4	Nguyễn Tiến Hoàng Nguyễn Tien Hoang		Chồng Husband			0		
9.5	Nguyễn Minh Khang Nguyễn Minh Khang		Con Child			0		
9.6	Nguyễn Nguyễn Nguyễn Nguyễn	Vĩnh Vĩnh	Con Child			0		
9.7	Nguyễn Thị Thanh Nguyễn Thị Thanh		Chị gái Sister			0		
9.8	Nguyễn Huỳnh Nguyễn Huỳnh	Thanh Thanh	Em gái Younger sister			0		
9.9	Nguyễn Văn Sơn Nguyễn Van Son		Em trai Younger Brother			0		
10	Bùi Việt Phương Bui Viet Phuong		Giám đốc tài chính/ Financial Director			495.000	1,02	
10.1	Bùi Thăng Bui Thang		Bố Father			0		
10.2	Phan Thị Chội Phan Thi Choi		Mẹ Mother			0		
10.3	Bùi Thị Việt Hà Bui Thi Viet Ha		Chị gái Sister			0		
10.4	Phạm Thị Thoa Pham Thi Thoa		Vợ/ Wife			0		
10.5	Bùi Bảo An Bui Bao An		Con			0		

[illegible]

	Trang			Bố đẻ Father				
12.1	Trịnh Văn Thủy Trinh Van Thuy			Mẹ đẻ Mother		0		
12.2	Vũ Thị Minh Hải Vu Thi Minh Hai			Chồng Husband		0		
12.3	Đình Xuân Huy Dinh Xuan Huy			Con		0		
12.4	Đình Hoài Anh Dinh Hoai Anh			Child		0		
12.5	Đình Thị Hà Anh Dinh Thi Ha Anh			Công ty có liên quan / Related company		11.275.000	23,32	
13	Công ty CP đầu tư Sao Á D.C/ Sao A D.C Investment Corporation			Công ty có liên quan / Related company		15.675.000	32,42	
14	Công ty TNHH Đầu tư TM / TM investment company limited			Công ty con/ Subsidiary		0		
15	Công ty CP Macstar Hồ Chí Minh/ Macstar Ho Chi Minh Joint Stock Company			Công ty con/ Subsidiary		0		
16	Công ty CP vận tải container ven biển Macstar/ Macstar Coastal Container Transport Joint Stock Company			Công ty con/ Subsidiary		0		
17	Công ty CP bất động sản Macland/ Macland real estate joint stock company			Công ty con/ Subsidiary		0		
18	Công đoàn Công ty/ Company trade union					78.751	0,16	